CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

HÀ NỘI, THÁNG 03 - NĂM 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Đức Y	Chủ tịch
Ông Phạm Minh Trúc	Ủy viên
Ông Lê Văn Nhuận	Ủy viên
Ông Đặng Quang Cường	Ủy viên
Ông Lưu Văn Đông	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Y	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trúc	Giám đốc Công ty
Ông Lưu Văn Đông	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Nhuận	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,
CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG
H.ĐÔNG ANH-T.P HÀ NỘI

Trần Đức Y
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS
KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TƯ VẤN THUẾ - QUYẾT TOÁN VỐN ĐTXDCB - CHUYỂN GIÁ - THẨM ĐỊNH GIÁ
「Do The RIGHT Things, In The RIGHT Ways」
Biệt thự G22 Làng Quốc tế Thăng Long - Phường Dịch Vọng - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội - Việt Nam

Số: 555-25/BC.KT-UNI

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là "Công ty"), *được lập ngày 25/03/2025, từ trang 05 đến trang 31*, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Đặng Thị Kim Trinh
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1229-2024-153-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Nguyễn Thị Thúy
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3982-2022-153-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**120.546.885.474**	**143.590.392.315**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**7.462.963.319**	**2.598.862.308**
1 Tiền	111	V.01	7.462.963.319	2.598.862.308
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**61.011.534.437**	**60.613.086.067**
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	61.411.442.668	58.634.512.537
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.320.497.464	3.495.784.858
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.188.126.595	1.391.320.962
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(2.908.532.290)	(2.908.532.290)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.07**	**51.442.630.801**	**78.840.256.051**
1 Hàng tồn kho	141		51.442.630.801	78.840.256.051
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**629.756.917**	**1.538.187.889**
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	27.967.233	1.085.836.703
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		593.351.610	389.166.065
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	8.438.074	63.185.121
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**25.974.017.490**	**28.090.369.717**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**21.244.339.661**	**23.854.061.099**
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	21.244.339.661	23.854.061.099
- Nguyên giá	*222*		*73.143.558.982*	*74.904.776.842*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(51.899.219.321)*	*(51.050.715.743)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**-**
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.02**	**4.212.000.000**	**4.212.000.000**
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.212.000.000	4.212.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**517.677.829**	**24.308.618**
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	517.677.829	24.308.618
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**146.520.902.964**	**171.680.762.032**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**72.927.263.940**	**96.613.033.823**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**72.927.263.940**	**96.613.033.823**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	51.563.345.108	62.254.612.036
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	5.557.491.802	12.262.292.834
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.335.127.067	1.938.547.002
4	Phải trả người lao động	314		3.998.471.107	4.422.095.019
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	146.886.864	209.069.665
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	4.968.814.555	5.802.479.519
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	-	8.924.000.000
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.357.127.437	799.937.748
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**-**	**-**
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**73.593.639.024**	**75.067.728.209**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.16**	**73.593.639.024**	**75.067.728.209**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*45.000.000.000*	*45.000.000.000*
2	Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.191.509.818	3.191.509.818
3	Quỹ đầu tư phát triển	418		18.106.628.702	16.606.628.702
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.295.500.504	10.269.589.689
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*421a*		-	-
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*	*421b*		*7.295.500.504*	*10.269.589.689*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**-**	**-**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)	**440**		**146.520.902.964**	**171.680.762.032**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.01**	**276.860.256.324**	**312.007.996.758**
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**276.860.256.324**	**312.007.996.758**
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.02	255.352.971.901	289.361.023.109
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	**20**		**21.507.284.423**	**22.646.973.649**
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	296.412.780	493.900.444
7 Chi phí tài chính	22	VI.04	379.212.380	172.718.342
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*317.535.366*	*162.773.370*
8 Chi phí bán hàng	25	VI.07	2.814.002.868	2.428.916.323
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	9.396.508.277	8.332.547.991
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	**30**		**9.213.973.678**	**12.206.691.437**
11 Thu nhập khác	31	VI. 05	53.237.874	1.431.025.240
12 Chi phí khác	32	VI.06	119.813.380	529.139.475
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(66.575.506)**	**901.885.765**
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	**50**		**9.147.398.172**	**13.108.577.202**
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.851.897.668	2.838.987.513
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**7.295.500.504**	**10.269.589.689**
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.10**	**1.621,22**	**2.282,13**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***9.147.398.172***	***13.108.577.202***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		4.236.595.412	4.679.869.029
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		61.677.014	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(259.782.143)	(493.900.444)
- Chi phí lãi vay	06		317.535.366	162.773.370
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***13.503.423.821***	***17.457.319.157***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(602.633.915)	(14.283.176.393)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		27.397.625.250	(5.543.229.305)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(15.397.709.192)	(17.565.033.955)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		564.500.259	(187.828.509)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(480.308.736)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.555.627.631)	(1.142.650.933)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(812.400.000)	(70.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***20.616.869.856***	***(21.334.599.938)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.897.222.222)	(1.851.995.158)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		302.037.037	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	11.000.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	(11.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		228.093.354	493.900.444
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(1.367.091.831)***	***(1.358.094.714)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.950.442.521	8.924.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.874.442.521)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.400.000.000)	(4.948.301.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(14.324.000.000)***	***3.975.698.125***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**4.925.778.025**	**(18.716.996.527)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**2.598.862.308**	**21.315.858.835**
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		(61.677.014)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**V.01**	**7.462.963.319**	**2.598.862.308**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 241/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016, vốn điều lệ của Công ty là: **45.000.000.000 đồng** *(Bốn mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).*

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí, nhà thép tiền chế, dầm thép tổ hợp, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cột điện cao - hạ thế, cột vi ba truyền hình, các thiết bị xây dựng, các loại cầu trục phục vụ các công trình công nghiệp và dân dụng;

- Xây dựng, lắp đặt các công trình công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng, xây lắp đường dây và trạm biến áp; Kinh doanh xuất nhập khẩu kim khí và vật tư tổng hợp;

- Tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư, thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán các công trình công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thiết bị nâng hạ, thiết bị phi tiêu chuẩn;

- Tư vấn giám sát xây dựng công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ sản xuất kết cấu thép, cơ khí; San lấp mặt bằng, xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống); xây dựng công trình thuỷ lợi;

- Đầu tư kinh doanh bất động sản; Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá, cho thuê kho bãi, thiết bị./.

Trụ sở chính của Công ty: Tổ 7, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách đơn vị trực thuộc:

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc là Nhà máy kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng, địa chỉ tại Tổ 7 Thị Trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Danh sách các công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty Cổ phần Kết cấu thép số 5	Phường Trung Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí	36%	36%	36%
- Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	Phường Tân Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí	36%	36%	36%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính này được lập trên cở sở tổng hợp số liệu của Văn phòng Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng và Nhà máy Kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty với Nhà máy đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập như sau:

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty liên kết. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính. Mức trích lập dự phòng của từng khoản đầu tư tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư do công ty liên kết hoạt động kinh doanh có lãi.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung trực tiếp và chi phí sản xuất chung trực tiếp và phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm>*
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
- Máy móc thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước bao gồm: chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí phần mềm, công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng đối với chi phí trả trước ngắn hạn và từ 24 tháng đến 36 tháng đối với chi phí trả trước dài hạn.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên kết.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn là khoản trích trước chi phí tiền điện và phí kiểm toán Báo cáo tài chính.

Đây là khoản chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là khung nhà thép tiền chế, bao che tôn nhà thép, sản phẩm cơ khí thủy công, doanh thu hoạt động xây lắp, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia.

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là các khoản thu từ tiền cho thuê nhà, thu từ việc thanh lý tài sản cố định và xử lý công nợ không phải thanh toán, được ghi nhận trên cơ sở Phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hợp đồng kinh tế và các chứng từ kế toán có liên quan.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng hóa được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn hoạt động xây lắp được tập hợp và ghi nhận tương ứng với doanh thu ghi nhận trong năm.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế..

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền		
Tiền mặt	232.032.555	246.500.008
Tiền gửi ngân hàng	7.230.930.764	2.352.362.300
Cộng	**7.462.963.319**	**2.598.862.308**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2024			01/01/2024		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty CP Kết cấu thép số 5	1.980.000.000	-	1.980.000.000	1.980.000.000	-	1.980.000.000
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	2.232.000.000	-	2.232.000.000	2.232.000.000	-	2.232.000.000
Cộng	**4.212.000.000**	**-**	**4.212.000.000**	**4.212.000.000**	**-**	**4.212.000.000**

(*): Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định = giá gốc của khoản đầu tư - dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập. Các Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác hiện tại đang kinh doanh có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm:

- Công ty CP Kết cấu thép số 5 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600425361 09/01/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Thái Nguyên cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600425361 thay đổi lần thứ 5 ngày 26/11/2021 thì vốn điều lệ của công ty là: 5.500.000.000 đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kết cấu thép xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

- Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 14600425354, đăng ký lần đầu ngày 04/01/2008 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 25/11/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp với số vốn điều lệ là 6.200.000.000 đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kết cấu thép xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Văn phòng Công ty				
Công ty CP May Nam Định	1.370.714.804	-	1.370.714.804	-
Công ty LEPRO - Chi nhánh Hà Nam	1.682.756.812	-	1.682.756.812	-
Công ty CP Đầu tư HICON	811.551.100	-	811.551.100	-
Công ty Enprat	1.028.662.027	(702.018.513)	1.028.662.027	(702.018.513)
Các đối tượng khác	3.382.000.726	(259.491.784)	3.392.000.726	(259.491.784)
Nhà máy				
Công ty Kết cấu thép cơ khí Đông Anh E&C	1.044.330.215	(647.165.108)	1.044.330.215	(647.165.108)
Công ty TNHH DONGGUK VINA	2.329.718.130	(1.131.870.790)	2.329.718.130	(1.131.870.790)
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Collab Việt Nam	1.082.599.612	-	5.255.678.765	-
Công ty TNHH Xây dựng VINACON Nam Khánh	1.313.767.974	-	1.325.496.682	-
Chi nhánh lắp máy điện nước và xây dựng- Công ty CP số 1 Hà Nội	5.948.722.543	-	2.076.342.378	-
Công ty CP Xây dựng thương mại Thành Việt	4.303.622.498	-	-	-
Công ty TNHH Thiên Phú	2.076.099.093	-	3.852.584.238	-
Công ty CP Sản xuất xuất nhập khẩu khoáng sản Việt San	12.976.547.195	-	12.976.547.195	-
Công ty TNHH Thái Bình Dương	2.680.096.615	-	2.275.000.000	-
Các đối tượng khác	19.380.253.324	(167.986.095)	19.213.129.465	(167.986.095)
Cộng	**61.411.442.668**	**(2.908.532.290)**	**58.634.512.537**	**(2.908.532.290)**

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.*

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Văn phòng Công ty		
Các đối tượng khác	25.000.000	746.940.625
Nhà máy		
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Tây Nam Đô	163.000.000	163.000.000
Công ty TNHH Kơ Nia	244.800.000	-
Công ty CP Xây lắp Công trình thép SEICO	573.262.200	283.163.000
Các đối tượng khác	314.435.264	2.302.681.233
Cộng	**1.320.497.464**	**3.495.784.858**

5. Phải thu khác

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Văn phòng Công ty				
Phải thu khác	**683.482.101**	-	**679.425.951**	-
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	669.600.000	-	669.600.000	-
Các khoản phải thu khác	13.882.101	-	9.825.951	-
Nhà máy	***504.644.494***	-	***711.895.011***	-
Phải thu khác	**146.037.143**	-	**387.329.174**	-
Bảo hiểm phải thu của người lao động	93.576.620	-	96.772.112	-
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động	36.416.822	-	38.600.560	-
Các khoản phải thu khác	16.043.701	-	251.956.502	-
Tạm ứng	**358.607.351**	-	**324.565.837**	-
Nguyễn Thị Hoa	68.371.999	-	89.371.999	-
Lê Văn Nhuận	66.000.000	-	66.000.000	-
Các đối tượng khác	224.235.352	-	169.193.838	-
Cộng	**1.188.126.595**	-	**1.391.320.962**	-

b) Phải thu khác là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. Nợ xấu

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán				
Văn phòng Công ty				
Ban quản lý Khu du lịch Mẫu Sơn	500.000.000	319.504.881	500.000.000	319.504.881
Công ty Enprat	1.028.662.027	326.643.514	1.028.662.027	326.643.514
Công ty CP Khai thác Khoáng sản Đức Phát	76.928.164	23.078.449	76.928.164	23.078.449
Các đối tượng khác	35.924.214	10.777.264	35.924.214	10.777.264
Nhà máy				
Công ty TNHH Donguk Vina	2.263.741.580	1.131.870.790	2.263.741.580	1.131.870.790
Công ty Hasco	52.808.240	-	52.808.240	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thái Sơn	115.177.855	-	115.177.855	-
Các đối tượng khác	1.044.330.215	397.165.107	1.044.330.215	397.165.107
Cộng	**5.117.572.295**	**2.209.040.005**	**5.117.572.295**	**2.209.040.005**

7. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.716.000.210	-	30.981.492.595	-
Công cụ, dụng cụ	106.780.780	-	32.448.928	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	36.619.849.811	-	47.826.314.528	-
Cộng	**51.442.630.801**	**-**	**78.840.256.051**	**-**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2024	**22.943.934.120**	**46.718.123.176**	**4.920.201.819**	**322.517.727**	**74.904.776.842**
Mua trong năm	-	1.897.222.222	-	-	**1.897.222.222**
Thanh lý nhượng bán	-	(3.658.440.082)	-	-	**(3.658.440.082)**
Số dư ngày 31/12/2024	**22.943.934.120**	**44.956.905.316**	**4.920.201.819**	**322.517.727**	**73.143.558.982**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư ngày 01/01/2024	**8.955.272.307**	**38.733.708.685**	**3.049.253.553**	**312.481.198**	**51.050.715.743**
Khấu hao trong năm	825.631.132	2.977.238.434	423.689.317	10.036.529	**4.236.595.412**
Thanh lý nhượng bán	-	(3.388.091.834)	-	-	**(3.388.091.834)**
Số dư ngày 31/12/2024	**9.780.903.439**	**38.322.855.285**	**3.472.942.870**	**322.517.727**	**51.899.219.321**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	**13.988.661.813**	**7.984.414.491**	**1.870.948.266**	**10.036.529**	**23.854.061.099**
Tại ngày 31/12/2024	**13.163.030.681**	**6.634.050.031**	**1.447.258.949**	**-**	**21.244.339.661**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.941.416.034 VND

- Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để đảm bảo các khoản vay có giá trị: Không có.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Chi phí trả trước

		31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a)	**Ngắn hạn**	**27.967.233**	**1.085.836.703**
	Phí bảo hiểm xe ô tô	-	67.895.392
	Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	164.466.977
	Dụng cụ văn phòng	-	478.857.969
	Phần mềm TEKLA	-	289.499.999
	Chi phí khác	27.967.233	85.116.366
b)	**Dài hạn**	**517.677.830**	**24.308.618**
	Sửa chữa tài sản cố định	117.000.000	24.308.618
	Chi phí phần mềm các loại	25.892.939	-
	Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	359.084.431	-
	Chi phí khác	15.700.460	-
	Cộng	**545.645.062**	**1.110.145.321**

10. Phải trả người bán

		31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)	**Ngắn hạn**				
	Văn phòng Công ty				
	Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811
	Công ty CP Kết cấu thép xây dựng Hà Nội	3.627.994.069	3.627.994.069	3.627.994.069	3.627.994.069
	Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443
	Nhà máy				
	Công ty CP Cơ khí- Xây lắp- Thương mại Minh Cường	7.198.672.875	7.198.672.875	1.390.907.260	1.390.907.260
	Công ty TNHH Ống thép 190	5.756.321.342	5.756.321.342	7.463.771.811	7.463.771.811
	Công ty CP Nhà khung thép và Thiết bị Công nghiệp	5.293.496.417	5.293.496.417	5.002.862.166	5.002.862.166
	Công ty TNHH Kết cấu thép 568	4.717.826.877	4.717.826.877	2.982.003.010	2.982.003.010

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng & Thương mại Ngọc Thắng	2.168.878.957	2.168.878.957	4.433.688.378	4.433.688.378
Các đối tượng khác	10.292.014.317	10.292.014.317	24.845.245.088	24.845.245.088
Cộng	**51.563.345.108**	**51.563.345.108**	**62.254.612.036**	**62.254.612.036**

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.*

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Văn phòng Công ty		
Công ty CP Xây dựng Châu Minh Phát	459.797.211	459.797.211
Các đối tượng khác	80.210.939	80.210.939
Nhà máy		
Công ty TNHH DONG HUI	1.755.048.409	-
Công ty TNHH HL E&C	948.145.256	-
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng công nghiệp	803.767.392	-
Công ty CP Thanh Xuân	-	1.800.000.000
Công ty CP Xây dựng Vilai Việt	-	1.980.978.959
Các đối tượng khác	1.510.522.595	7.941.305.725
Cộng	**5.557.491.802**	**12.262.292.834**

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	6.823.204.580	3.726.444.051	3.096.760.529
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.933.627.631	1.851.897.668	3.555.627.631	229.897.668
Thuế thu nhập cá nhân	4.919.371	170.756.741	167.207.242	8.468.870
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.174.385.993	1.174.385.993	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	**1.938.547.002**	**10.024.244.982**	**8.627.664.917**	**3.335.127.067**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

b) Phải thu

Thuế thu nhập cá nhân	56.816.174	219.320.252	170.942.152	8.438.074
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.368.947	6.368.947	-	-
Cộng	**63.185.121**	**225.689.199**	**170.942.152**	**8.438.074**

13. Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Văn phòng Công ty		
Phí kiểm toán	45.454.544	46.296.295
Chi phí lãi vay	-	162.773.370
Nhà máy		
Chi phí tiền điện	101.432.320	-
Cộng	**146.886.864**	**209.069.665**

14. Phải trả khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn		
Văn phòng Công ty		
Kinh phí công đoàn	144.654.446	140.091.566
Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng Hà Nội	2.051.943.631	2.051.943.631
Các khoản phải trả khác	110.335.006	84.857.492
Nhà máy		
Kinh phí công đoàn	152.685.925	787.911.283
Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	2.358.840.765	2.372.482.285
Các đối tượng khác	150.354.782	365.193.262
Cộng	**4.968.814.555**	**5.802.479.519**

b) Phải trả khác là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay cá nhân	**-**	**-**	***1.950.442.521***	***10.874.442.521***	***8.924.000.000***	***8.924.000.000***
Ông Lưu Văn Đông	-	-	1.950.442.521	8.874.442.521	6.924.000.000	6.924.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	**-**	**-**	**1.950.442.521**	**10.874.442.521**	**8.924.000.000**	**8.924.000.000**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

16. Vốn chủ sở hữu

16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2023	**45.000.000.000**	**3.191.509.818**	**5.683.561.137**	**53.875.070.955**
Lãi trong năm trước	-	-	10.269.589.689	**10.269.589.689**
Chia cổ tức	-	-	(4.950.000.000)	**(4.950.000.000)**
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	(733.561.137)	**(733.561.137)**
Số dư ngày 01/01/2024	**45.000.000.000**	**3.191.509.818**	**10.269.589.689**	**58.461.099.507**
Lãi trong năm nay	-	-	7.295.500.504	**7.295.500.504**
Chia cổ tức	-	-	(5.400.000.000)	**(5.400.000.000)**
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	(1.500.000.000)	**(1.500.000.000)**
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	(3.369.589.689)	**(3.369.589.689)**
Số dư ngày 31/12/2024	**45.000.000.000**	**3.191.509.818**	**7.295.500.504**	**55.487.010.322**

16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	10.400.000.000	10.400.000.000
Các đối tượng khác	34.600.000.000	34.600.000.000
Cộng	**45.000.000.000**	**45.000.000.000**

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	**45.000.000.000**	**45.000.000.000**
Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**5.400.000.000**	**4.950.000.000**

16.4 Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: chưa
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

16.5 Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	*4.500.000*	*4.500.000*
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	*4.500.000*	*4.500.000*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

16.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2024
Quỹ đầu tư phát triển	16.606.628.702	1.500.000.000	-	18.106.628.702
Cộng	**16.606.628.702**	**1.500.000.000**	**-**	**18.106.628.702**

Mục đích trích lập và sử dụng quỹ của Công ty:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại		
Tiền CAD	81.661,72	140,66

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	276.860.256.324	312.007.996.758
Cộng	**276.860.256.324**	**312.007.996.758**

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: *Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.2.*

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	255.352.971.901	289.361.023.109
Cộng	**255.352.971.901**	**289.361.023.109**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	30.093.354	196.900.444
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	68.319.426	-
Cổ tức được chia	198.000.000	297.000.000
Cộng	**296.412.780**	**493.900.444**

4. Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	317.535.366	162.773.370
Lỗ từ thu hồi khoản đầu tư	-	9.153.605
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	791.367
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	61.677.014	-
Cộng	**379.212.380**	**172.718.342**

5. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	31.688.789	-
Thu tiền nhà của cán bộ công nhân viên	19.907.408	8.777.778
Xử lý công nợ không phải trả	1.641.677	1.422.247.462
Cộng	**53.237.874**	**1.431.025.240**

6. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	23.987.228	247.382.133
Xử lý công nợ không thể thu hồi	95.826.150	274.289.610
Chi phí khác	2	7.467.732
Cộng	**119.813.380**	**529.139.475**

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a)	**Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm**	**9.396.508.277**	**8.332.547.991**
	Chi phí nhân viên quản lý	4.029.333.633	3.731.488.605
	Chi phí vật liệu quản lý	823.338.756	683.498.719
	Chi phí đồ dùng văn phòng	338.796.069	380.314.213
	Chi phí khấu hao TSCĐ	1.072.346.227	779.868.310
	Thuế, phí và lệ phí	1.190.219.581	856.966.606
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.038.661.969	1.270.707.292
	Chi phí bằng tiền khác	903.812.042	629.704.246
b)	**Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm**	**2.814.002.868**	**2.428.916.323**
	Chi phí nhân viên	2.603.220.868	2.250.876.323
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.000.000	7.500.000
	Chi phí bằng tiền khác	203.782.000	170.540.000
	Cộng	**12.210.511.145**	**10.761.464.314**

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	199.485.445.201	237.216.926.196
Chi phí nhân công	27.231.134.789	25.811.326.596
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.236.595.412	4.679.869.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.463.896.778	20.229.472.308
Chi phí khác bằng tiền	5.201.753.486	1.977.576.823
Cộng	**256.618.825.666**	**289.915.170.952**

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng thu nhập phát sinh trong kỳ	277.209.906.978	313.932.922.442
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	*277.011.906.978*	*312.984.744.147*
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm:	*198.000.000*	*948.178.295*
+ Cổ tức	*198.000.000*	*297.000.000*
+ Thu nhập đã nộp thuế những năm tài chính trước	-	*651.178.295*
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	268.062.508.806	300.824.345.240
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	*267.752.418.639*	*300.166.605.992*
Chi phí không được trừ khi thuế thu nhập doanh nghiệp	*310.090.167*	*657.739.248*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	9.259.488.339	12.818.138.155
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.851.897.668	2.563.627.631
Thuế TNDN bị truy thu bổ sung cho năm 2021 và 2022	-	275.359.882
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**1.851.897.668**	**2.838.987.513**

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.295.500.504	10.269.589.689
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.295.500.504	10.269.589.689
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.621,22**	**2.282,13**

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

2.1 Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	Đơn vị góp vốn
Công ty CP Kết cấu thép số 5	Công ty liên kết
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	Công ty liên kết

2.2 Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng	**1.540.399.804**	**12.833.170.800**
Công ty CP Kết cấu thép số 5	1.540.399.804	12.833.170.800

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Bán hàng	**2.702.183.601**	-
Công ty CP Kết cấu thép số 5	2.701.274.510	-

2.3 Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng	**488.115.312**	**488.115.312**
Công ty CP Kết cấu thép số 5	488.115.312	488.115.312
Phải thu khác	**669.600.000**	**669.600.000**
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	669.600.000	669.600.000
Phải trả người bán	**4.022.522.443**	**6.300.971.083**
Công ty CP Kết cấu thép số 5	-	2.278.448.640
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	4.022.522.443	4.022.522.443

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 do Công ty lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trần Đức Y